

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

(đã được kiểm toán)



# CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

---

## NỘI DUNG

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-33
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11-33

## CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

#### CÔNG TY

Công ty Cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Nhà máy thực phẩm xuất khẩu Mỹ Châu theo Quyết định số 207/1998/QĐ/BNN-TCCB ngày 10 tháng 12 năm 1998 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp số 0301671386, đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 3 năm 1999 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 16 tháng 01 năm 2025.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: 18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Trọng Tuấn	Chủ tịch	Ông Vũ Trọng Tuấn được bổ nhiệm làm thành viên HĐQT ngày 01/11/2024 và được bổ nhiệm làm chủ tịch HĐQT ngày 25/11/2024
Bà Bùi Thị Minh Tâm	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 28/06/2024; Miễn nhiệm ngày 01/11/2024
Bà Phạm Thị Thuý Phương	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 28/06/2024
Bà Dương Thị Thanh Tâm	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 28/06/2024
Bà Triệu Thị Ngọc Quỳnh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 28/06/2024
Bà Phan Đỗ Hạnh	Thành viên	Bà Phan Đỗ Hạnh được bổ nhiệm làm Chủ tịch HĐQT ngày 01/11/2024 và miễn nhiệm chức danh này ngày 25/11/2024

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông La Hoài Nam	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 25/11/2024
Ông Vũ Trọng Tuấn	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 23/08/2024; Miễn nhiệm ngày 25/11/2024
Bà Trương Nữ Thị Đỗ Quỳnh	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 23/08/2024

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Chu Thị Phương Anh	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 01/11/2024
Bà Phạm Thị Minh Huyền	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 01/11/2024
Ông Lê Văn Tới	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28/06/2024
Bà Lê Thị Thanh Hằng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 01/11/2024
Bà Nguyễn Thị Cẩm Vang	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 28/06/2024
Bà Phạm Ngọc Hạnh Nhung	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 01/11/2024

#### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến khi lập Báo cáo tài chính này là Bà Trương Nữ Thị Đỗ Quỳnh (miễn nhiệm 23/08/2024); Ông Vũ Trọng Tuấn – Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 25/11/2024); Ông La Hoài Nam (bổ nhiệm ngày 25/11/2024).

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hăng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



**La Hoài Nam**  
Tổng Giám đốc

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2025*

Số: 230325.002/BCTC.KT2

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu được lập ngày 23 tháng 03 năm 2025, từ trang 06 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty Cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu đã được kiểm toán bởi Kiểm toán viên và Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính này tại Báo cáo kiểm toán số 397/2024/KT-RSMHCM ngày 28 tháng 03 năm 2024.

### Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



**Vũ Xuân Biển**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2023-002-1

**Nguyễn Trung Kiên**

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 5136-2025-002-1

*Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2025*

**CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU**

18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa,  
quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024


**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**


Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024


Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>294.219.098.541</b>	<b>237.818.943.441</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>16.906.377.798</b>	<b>11.160.504.865</b>
111	1. Tiền		15.906.377.798	11.160.504.865
112	2. Các khoản tương đương tiền		1.000.000.000	-
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>4</b>	<b>85.000.000.000</b>	<b>25.000.000.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		85.000.000.000	25.000.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>129.503.587.107</b>	<b>89.607.219.174</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	65.496.808.725	85.874.087.881
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	3.933.045.991	4.203.732.638
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	64.940.000.000	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	643.291.977	732.654.980
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(5.509.559.586)	(1.203.256.325)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>10</b>	<b>61.637.465.146</b>	<b>109.825.325.972</b>
141	1. Hàng tồn kho		61.637.465.146	109.825.325.972
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>1.171.668.490</b>	<b>2.225.893.430</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	1.110.059.023	1.316.869.241
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	61.609.467	909.024.189
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>23.476.402.417</b>	<b>81.265.740.316</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>5.250.000</b>	<b>5.250.000</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	5.250.000	5.250.000
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>17.047.423.327</b>	<b>24.732.426.977</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	17.047.423.327	24.732.426.977
222	- Nguyên giá		362.859.508.752	360.065.968.061
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(345.812.085.425)	(335.333.541.084)
<b>240</b>	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>-</b>	<b>1.223.700.531</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	1.223.700.531
<b>250</b>	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>4</b>	<b>1.972.000.000</b>	<b>48.983.600.000</b>
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.972.000.000	48.983.600.000
<b>260</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>4.451.729.090</b>	<b>6.320.762.808</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	4.451.729.090	6.320.762.808
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>317.695.500.958</b>	<b>319.084.683.757</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU**18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa,  
quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>40.982.223.894</b>	<b>70.741.259.736</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>40.982.223.894</b>	<b>70.741.259.736</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	16.025.364.090	16.744.513.230
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		275.540.370	82.846.356
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	5.737.038.589	5.609.264.390
314	4. Phải trả người lao động		8.454.656.357	7.803.493.974
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	733.439.958	1.346.811.560
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	9.152.140.361	10.064.671.456
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17	-	28.159.074.914
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		604.044.169	930.583.856
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>276.713.277.064</b>	<b>248.343.424.021</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>18</b>	<b>276.713.277.064</b>	<b>248.343.424.021</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		180.810.530.000	150.713.370.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		180.810.530.000	150.713.370.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		508.431.449	15.557.011.449
415	3. Cổ phiếu quỹ		(317.124.000)	(317.124.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		65.574.633.259	64.948.203.442
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		30.136.806.356	17.441.963.130
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		22.757.000	-
421b	LNST chưa phân phối năm nay		30.114.049.356	17.441.963.130
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>317.695.500.958</b>	<b>319.084.683.757</b>

  
**Dương Trương Thị Hồng Trinh**  
 Người lập

  
**Nguyễn Hòa Hiệp**  
 Kế toán trưởng

  
**La Hoài Nam**  
 Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2025



**CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU**

18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa,  
quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	467.307.693.861	494.021.420.795
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21	701.869.440	1.187.875.520
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		466.605.824.421	492.833.545.275
11	4. Giá vốn hàng bán	22	411.072.107.394	432.645.017.228
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		55.533.717.027	60.188.528.047
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	20.254.292.121	864.655.600
22	7. Chi phí tài chính	24	1.664.993.906	2.736.158.880
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		245.749.233	1.598.005.882
25	8. Chi phí bán hàng	25	14.568.304.136	15.480.648.691
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21.906.341.605	19.997.912.550
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		37.648.369.501	22.838.463.526
31	11. Thu nhập khác		383.019.694	347.624.634
32	12. Chi phí khác		235.353.830	922.149.682
40	13. Lợi nhuận khác		147.665.864	(574.525.048)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		37.796.035.365	22.263.938.478
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27	7.681.986.009	4.821.975.348
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>30.114.049.356</u>	<u>17.441.963.130</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	28	1.667	966
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu		-	-

Dương Trương Thị Hồng Trinh  
Người lập

Nguyễn Hòa Hiệp  
Kế toán trưởng

La Hoài Nam  
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2025

**CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU**18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa,  
quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Năm 2024

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		37.796.035.365	22.263.938.478
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		10.478.544.341	10.667.066.269
03	- Các khoản dự phòng		4.306.303.261	846.931.664
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(286.465.299)	(1.525.200)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(19.520.205.761)	(500.716.078)
06	- Chi phí lãi vay		245.749.233	1.598.005.882
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		33.019.961.140	34.873.701.015
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		21.147.569.559	2.818.517.665
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		48.187.860.826	10.475.017.195
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(3.071.203.349)	(6.371.895.987)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		2.075.843.936	845.391.592
14	- Tiền lãi vay đã trả		(536.851.122)	(1.385.044.056)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(5.306.636.713)	(4.766.609.006)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.070.736.000)	(1.968.549.263)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		93.445.808.277	34.520.529.155
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(1.569.840.160)	(1.995.705.031)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(149.940.000.000)	(25.000.000.000)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		25.000.000.000	-
26	4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		64.946.800.000	-
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.022.179.730	63.542.181
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(59.540.860.430)	(26.932.162.850)
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	1. Tiền thu từ đi vay		5.764.790.764	54.727.813.268
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(33.923.865.678)	(56.424.405.046)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(28.159.074.914)	(1.696.591.778)

**CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU**18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa,  
quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Năm 2024

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		5.745.872.933	5.891.774.527
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		11.160.504.865	5.267.205.138
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	1.525.200
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>16.906.377.798</u>	<u>11.160.504.865</u>

Dương Trương Thị Hồng Trinh  
Người lậpNguyễn Hòa Hiệp  
Kế toán trưởngLa Hoài Nam  
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2025

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Năm 2024*

### **1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Nhà máy thực phẩm xuất khẩu Mỹ Châu theo Quyết định số 207/1998/QĐ/BNN-TCCB ngày 10 tháng 12 năm 1998 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp số 0301671386, đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 3 năm 1999 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 16 tháng 01 năm 2025.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: 18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 180.810.530.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 180.810.530.000 đồng; tương đương 18.081.053 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là: 264 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là: 272 người).

#### **Lĩnh vực kinh doanh**

In và sản xuất bao bì bằng kim loại.

#### **Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất, gia công các loại bao bì bằng kim loại;
- Dịch vụ cho thuê sân bãi, nhà xưởng, kho tàng thuộc quyền sử dụng của Công ty;
- In, tráng verni trên sắt lá;
- Bán buôn các loại vật tư, hóa chất sử dụng công nghệ in trên sắt lá;
- Bán buôn các loại sắt lá, nhôm lá (dạng cuộn, dạng tờ);
- Xuất khẩu, nhập khẩu, quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu máy móc thiết bị và phụ tùng thay thế dùng trong các lĩnh vực: in, tráng verni trên sắt lá;
- Kinh doanh thương mại nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp.

### **2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

#### **2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

#### **2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

##### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

*Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

**2.3 . Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Ước tính phân bổ chi phí trả trước;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

**2.4 . Công cụ tài chính**

*Ghi nhận ban đầu*

**Tài sản tài chính**

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

**Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

## CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa,  
quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

### 2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

### 2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### 2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

### 2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

## 2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## 2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 10 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05 năm

## 2.11 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

**2.12 . Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 02 tháng đến 36 tháng.
- Chi phí sửa chữa lớn được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng thời gian từ 12 tháng đến 36 tháng.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 02 tháng đến 36 tháng.

**2.13 . Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

**2.14 . Vay**

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

**2.15 . Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**2.16 . Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả, chi phí trích trước hoa hồng bán hàng, ... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.



**2.17 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty mua lại trước ngày hiệu lực của Luật chứng khoán 2019 (ngày 01 tháng 01 năm 2021) nhưng chưa bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ mua sau ngày 01 tháng 01 năm 2021 sẽ được hủy bỏ và điều chỉnh giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

**2.18 . Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**2.19 . Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ và kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

**2.20 . Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

## CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa,  
quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

### 2.21 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

#### a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

#### b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

### 2.22 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

### 2.23 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên trực tiếp hoặc gián tiếp phân quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

### 2.24 . Thông tin bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất gia công các loại bao bì bằng kim loại và chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

## 3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	15.906.377.798	11.160.504.865
Các khoản tương đương tiền (*)	1.000.000.000	-
	<u>16.906.377.798</u>	<u>11.160.504.865</u>

(\*) Tại ngày 31/12/2024, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng có giá trị 1.000.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam với lãi suất 2,9 %/năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU**

18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Tiền gửi có kỳ hạn	85.000.000.000	-	25.000.000.000	-
	<u>85.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>25.000.000.000</u>	<u>-</u>

Tại ngày 31/12/2024, khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các hợp đồng tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh có thời hạn 6 tháng với lãi suất từ 5,3%/năm đến 5,8%/năm.

**b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2024			01/01/2024		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Càng Rau Quả (VGP) (*)	1.972.000.000	2.133.312.000	-	1.972.000.000	2.496.641.700	-
- Công ty Cổ phần Bia và nước giải khát Việt Hà (i)	-	-	-	12.586.600.000	-	-
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủ công Mỹ Nghệ (ii)	-	-	-	34.425.000.000	-	-
	<u>1.972.000.000</u>	<u>2.133.312.000</u>	<u>-</u>	<u>48.983.600.000</u>	<u>2.496.641.700</u>	<u>-</u>

(\*) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này được xác định theo giá đóng cửa tại ngày lập Báo cáo tài chính trên sàn HNX tại ngày 29/12/2023 và 31/12/2024.

- (i) Trong năm, Công ty đã có các giao dịch bán 535.600 cổ phần của Công ty Cổ phần Bia và nước giải khát Việt Hà cho các nhà đầu tư khác, tương đương tổng mệnh giá 5.356.000.000 VND, giá bán 14.996.800.000 VND. Sau các giao dịch trên, tại ngày 31/23/2024, Công ty không còn sở hữu cổ phần của Công ty này.
- (ii) Trong năm, Công ty đã có các giao dịch bán 1.350.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủ công Mỹ Nghệ cho các nhà đầu tư khác, tương đương tổng mệnh giá 13.500.000.000 VND, giá bán 49.950.000.000 VND. Sau các giao dịch trên, tại ngày 31/12/2024, Công ty không còn sở hữu cổ phần của Công ty này.



**CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU**18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa,  
quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b><i>Bên khác</i></b>	<b>65.496.808.725</b>	<b>(5.509.559.586)</b>	<b>85.874.087.881</b>	<b>(1.203.256.325)</b>
- Công ty CP Đồ hộp Blue Sea	11.185.722.434	(3.834.252.805)	8.564.852.108	(118.390.272)
- Công ty Cổ phần Thương mại KG	6.779.128.094	-	6.617.179.769	-
- Công ty CP Đồ hộp TP	6.164.679.290	-	11.497.756.688	-
Phải thu khách hàng khác	41.367.278.907	(1.675.306.781)	59.194.299.316	(1.084.866.053)
	<b>65.496.808.725</b>	<b>(5.509.559.586)</b>	<b>85.874.087.881</b>	<b>(1.203.256.325)</b>

**6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b><i>Bên khác</i></b>	<b>3.933.045.991</b>	<b>-</b>	<b>4.203.732.638</b>	<b>-</b>
JIANGSU YOUFU SHEET TECHNOLOG Y CO., LTD.	2.487.154.525	-	-	-
Công ty Melchers Techexport GMBH	-	-	1.397.716.600	-
Trả trước cho người bán khác	1.445.891.466	-	2.806.016.038	-
	<b>3.933.045.991</b>	<b>-</b>	<b>4.203.732.638</b>	<b>-</b>

7 . PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	01/01/2024		Trong năm		31/12/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Tăng	Giảm	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<i>Bên khác</i>						
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Quỳnh Lương	-	-	64.940.000.000	-	64.940.000.000	-
	-	-	64.940.000.000	-	64.940.000.000	-

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản cho vay ngắn hạn:

Hợp đồng vay vốn số 1812/HĐVV/MCP-QL ngày 18/12/2024 và Hợp đồng vay vốn số 2412/HĐVV/MCP-QL ngày 24/12/2024 giữa Công ty Cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Quỳnh Lương, với các điều khoản chi tiết sau:

- Tổng số tiền cho vay: 64.940.000.000 VND;
- Mục đích vay: Phục vụ nhu cầu kinh doanh;
- Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày chuyển tiền dự kiến ;
- Lãi suất cho vay: theo thoả thuận, không thấp hơn 10,5%/năm và được xác định cuối mỗi năm dương lịch;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 64.940.000.000 VND;
- Các hình thức bảo đảm tiền vay: Không có tài sản đảm bảo.

**CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU**

18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa,  
quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**8 . PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	-	-	437.173.969	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	9.332.266	-	9.221.454	-
Phải thu về bảo hiểm y tế	9.268.433	-	9.389.616	-
Tạm ứng	15.536.455	-	28.795.909	-
Phải thu khác	609.154.823	-	248.074.032	-
	<b>643.291.977</b>	<b>-</b>	<b>732.654.980</b>	<b>-</b>
<b>b) Dài hạn</b>				
Ký cược, ký quỹ	5.250.000	-	5.250.000	-
	<b>5.250.000</b>	<b>-</b>	<b>5.250.000</b>	<b>-</b>

**9 . NỢ XẤU**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty TNHH Đồ hộp Blue Sea	-	-	1.230.603.440	861.422.408
- Công ty CP Thực phẩm Gia Đình An Co	418.296.120	153.488.836	419.392.050	209.696.025
- Công ty CP Đồ hộp Blue Sea	9.276.177.962	5.441.925.157	394.634.240	276.243.968
- Các khoản khác	3.697.055.034	2.286.555.537	1.017.936.454	511.947.458
	<b>13.391.529.116</b>	<b>7.881.969.530</b>	<b>3.062.566.184</b>	<b>1.859.309.859</b>

**10 . HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	44.224.244.175	-	84.900.198.209	-
Công cụ, dụng cụ	2.059.006.091	-	2.276.475.095	-
Thành phẩm	15.354.214.880	-	22.648.652.668	-
	<b>61.637.465.146</b>	<b>-</b>	<b>109.825.325.972</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU**

18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	10.667.980.186	340.452.201.387	7.435.141.700	863.213.045	647.431.743	360.065.968.061
- Mua trong năm	-	2.793.540.691	-	-	-	2.793.540.691
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>10.667.980.186</b>	<b>343.245.742.078</b>	<b>7.435.141.700</b>	<b>863.213.045</b>	<b>647.431.743</b>	<b>362.859.508.752</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	10.048.556.454	318.558.555.262	5.650.669.397	802.390.729	273.369.242	335.333.541.084
- Khấu hao trong năm	107.686.356	10.009.964.645	303.552.072	9.841.272	47.499.996	10.478.544.341
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>10.156.242.810</b>	<b>328.568.519.907</b>	<b>5.954.221.469</b>	<b>812.232.001</b>	<b>320.869.238</b>	<b>345.812.085.425</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày đầu năm	619.423.732	21.893.646.125	1.784.472.303	60.822.316	374.062.501	24.732.426.977
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>511.737.376</b>	<b>14.677.222.171</b>	<b>1.480.920.231</b>	<b>50.981.044</b>	<b>326.562.505</b>	<b>17.047.423.327</b>

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 260.267.371.895 VND.

**CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU**18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa,  
quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Chi phí bảo hiểm	626.720.715	481.214.128
Công cụ dụng cụ xuất dùng	307.276.812	408.828.923
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	176.061.496	426.826.190
	<b><u>1.110.059.023</u></b>	<b><u>1.316.869.241</u></b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	3.767.788.408	6.118.175.125
Chi phí sửa chữa lớn nhà xưởng	666.094.558	31.083.338
Chi phí trả trước dài hạn khác	17.846.124	171.504.345
	<b><u>4.451.729.090</u></b>	<b><u>6.320.762.808</u></b>

**13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN NGẮN HẠN**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên khác</i>				
HENKEL SINGAPORE PTE. LTD	3.786.106.298	3.786.106.298	3.837.544.920	3.837.544.920
CÔNG TY TNHH CANCOAT (VIETNAM)	1.794.146.086	1.794.146.086	1.038.290.000	1.038.290.000
Công ty TNHH GCM Packaging (Vietnam)	2.269.609.346	2.269.609.346	1.013.834.522	1.013.834.522
Phải trả nhà cung cấp khác	8.175.502.360	8.175.502.360	10.854.843.788	10.854.843.788
	<b><u>16.025.364.090</u></b>	<b><u>16.025.364.090</u></b>	<b><u>16.744.513.230</u></b>	<b><u>16.744.513.230</u></b>



## 14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	836.645.531	-	36.697.896.143	34.229.935.459	-	1.631.315.153
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	72.378.658	-	515.112.678	442.734.020	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	1.529.429.995	7.681.986.009	5.306.636.713	-	3.904.779.291
Thuế Thu nhập cá nhân	-	154.711.375	912.412.762	924.789.459	58.609.467	200.944.145
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	3.925.123.020	10.298.912.177	14.224.035.197	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	3.000.000	6.000.000	3.000.000	-
	<b>909.024.189</b>	<b>5.609.264.390</b>	<b>56.109.319.769</b>	<b>55.134.130.848</b>	<b>61.609.467</b>	<b>5.737.038.589</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

## 15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	-	291.101.889
- Trích trước chi phí hoa hồng bán hàng	733.439.958	993.209.671
- Chi phí phải trả khác	-	62.500.000
	<b>733.439.958</b>	<b>1.346.811.560</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU**

18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**16 . PHẢI TRẢ KHÁC NGẮN HẠN**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Tài sản thừa chờ giải quyết	726.560.350	285.989.557
- Kinh phí công đoàn	512.152.684	728.118.265
- Bảo hiểm thất nghiệp	167.706	197.298
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	7.448.293.795	8.495.894.180
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	464.965.826	554.472.156
	<b>9.152.140.361</b>	<b>10.064.671.456</b>

**17 . VAY NGẮN HẠN**

	01/01/2024		Trong năm		31/12/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN TP Hồ Chí Minh	28.159.074.914	28.159.074.914	5.764.790.764	33.923.865.678	-	-
	<b>28.159.074.914</b>	<b>28.159.074.914</b>	<b>5.764.790.764</b>	<b>33.923.865.678</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU**

18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	150.713.370.000	15.557.011.449	(317.124.000)	54.796.833.014	11.279.300.476	232.029.390.939
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	17.441.963.130	17.441.963.130
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	10.151.370.428	(11.279.300.476)	(1.127.930.048)
Số dư cuối năm trước	<u>150.713.370.000</u>	<u>15.557.011.449</u>	<u>(317.124.000)</u>	<u>64.948.203.442</u>	<u>17.441.963.130</u>	<u>248.343.424.021</u>
Số dư đầu năm nay	150.713.370.000	15.557.011.449	(317.124.000)	64.948.203.442	17.441.963.130	248.343.424.021
Tăng vốn trong năm nay (**)	30.097.160.000	(15.048.580.000)	-	-	(15.048.580.000)	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	30.114.049.356	30.114.049.356
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	-	626.429.817	(2.370.626.130)	(1.744.196.313)
Số dư cuối năm nay	<u>180.810.530.000</u>	<u>508.431.449</u>	<u>(317.124.000)</u>	<u>65.574.633.259</u>	<u>30.136.806.356</u>	<u>276.713.277.064</u>

(\*) Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 08/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/06/2024, Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2023 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2023	13,59%	17.441.963.130
Trích Quỹ đầu tư phát triển	3,59%	626.429.817
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	10,00%	1.744.196.313

**CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU**

18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa,  
quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**(\*\*) Thông tin tăng vốn**

1) Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 08/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/06/2024, Công ty thực hiện việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu. Cụ thể như sau:

- Nguồn vốn thực hiện: Từ nguồn thặng dư vốn cổ phần của Công ty căn cứ trên Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023 và đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật;
- Ngày kết thúc đợt phát hành: 02/12/2024; Ngày niêm yết bổ sung có hiệu lực: 02/01/2025;
- Giá trị phát hành: 15.048.580.000 VND; Mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu;
- Số lượng cổ phiếu đã phân phối: 1.504.858 cổ phiếu; Số cổ đông được phân phối: 888 cổ đông;
- Tổng số cổ phiếu của Công ty sau đợt phát hành là: 16.576.196 cổ phiếu, trong đó số lượng cổ phiếu đang lưu hành là 16.557.473 cổ phiếu, số lượng cổ phiếu quỹ là 18.722 cổ phiếu.

2) Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 08/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/06/2024, Công ty thực hiện việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức. Cụ thể như sau:

- Nguồn vốn thực hiện: Từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối của Công ty căn cứ trên Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023 và đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật;
- Ngày kết thúc đợt phát hành: 02/12/2024; Ngày niêm yết bổ sung có hiệu lực: 02/01/2025;
- Giá trị phát hành: 15.048.580.000 VND; Mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu;
- Số lượng cổ phiếu đã phân phối: 1.504.858 cổ phiếu; Số cổ đông được phân phối: 888 cổ đông;
- Tổng số cổ phiếu của Công ty sau đợt phát hành là: 18.099.825 cổ phiếu, trong đó số lượng cổ phiếu đang lưu hành là 18.081.053 cổ phiếu, số lượng cổ phiếu quỹ là 18.722 cổ phiếu.

Theo thông báo số 28/TB-SGDHCM của Sở Giao dịch Chứng khoán TP.Hồ Chí Minh ngày 07/01/2025, số lượng chứng khoán thay đổi niêm yết sau 2 đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu là 3.009.716 cổ phiếu; Ngày thay đổi niêm yết có hiệu lực là 02/01/2025; Ngày giao dịch của chứng khoán thay đổi niêm yết là: 16/01/2025.

Công ty đã hoàn tất việc tăng vốn điều lệ thông qua việc thay đổi Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh lần thứ 14 ngày 16 tháng 01 năm 2025

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ	Cuối năm	Tỷ lệ	Đầu năm
		VND		VND
Công ty CP Hòn Ngọc Á Châu	4,58%	8.280.000.000	24,64%	37.135.000.000
Ông Trần Quang Huy	24,59%	44.453.352.000	24,58%	37.044.460.000
Bà Phan Đỗ Hạnh	13,99%	25.296.000.000	13,99%	21.080.000.000
Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội	0,00%	-	11,94%	18.000.000.000
Công ty TNHH Đầu tư tài sản Việt Leader	20,24%	36.600.000.000	0,00%	-
Cổ đông khác	36,50%	65.993.958.000	24,73%	37.266.690.000
Cổ phiếu quỹ	0,10%	187.220.000	0,12%	187.220.000
	<b>100%</b>	<b>180.810.530.000</b>	<b>100%</b>	<b>150.713.370.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	180.810.530.000	150.713.370.000
- Vốn góp đầu năm	150.713.370.000	150.713.370.000
- Vốn góp tăng trong năm	30.097.160.000	-
- Vốn góp cuối năm	<b>180.810.530.000</b>	<b>150.713.370.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU**18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa,  
quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024**d) Cổ phiếu**

	<u>31/12/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.081.053	15.071.337
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	18.081.053	15.071.337
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>18.081.053</i>	<i>15.071.337</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại ( <i>cổ phiếu quỹ</i> )	18.722	18.722
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>18.722</i>	<i>18.722</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.062.331	15.052.615
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>18.062.331</i>	<i>15.052.615</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**e) Các quỹ công ty**

	<u>31/12/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	65.574.633.259	64.948.203.442
	<u><b>65.574.633.259</b></u>	<u><b>64.948.203.442</b></u>

**19 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG****a) Tài sản thuê ngoài**

Công ty thuê đất tại số 18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh để sử dụng với mục đích sản xuất kinh doanh. Diện tích khu đất thuê là 33.410 m<sup>2</sup>. Theo đó Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm theo thông báo tiền thuê đất của cơ quan thuế.

**b) Ngoại tệ các loại**

	<u>31/12/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
- Đồng đô la Mỹ (USD)	4.868,80	9.239,19

**c) Nợ khó đòi đã xử lý**

	<u>31/12/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
Công ty CP Chế biến Thực phẩm Xuất nhập khẩu Kiên Giang	233.874.352	233.874.352
Công ty TNHH Bao bì Sammiguél Yamamura	330.870.543	330.870.543
Các đối tượng khác	82.355.452	82.355.452

**20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>Năm 2024</u>	<u>Năm 2023</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	42.586.339.972	41.657.003.125
Doanh thu bán thành phẩm	399.231.348.232	421.053.850.181
Doanh thu cung cấp dịch vụ	25.283.231.307	31.310.567.489
Doanh thu khác	206.774.350	-
	<u><b>467.307.693.861</b></u>	<u><b>494.021.420.795</b></u>

**21 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	<u>Năm 2024</u>	<u>Năm 2023</u>
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	701.869.440	1.187.875.520
	<u><b>701.869.440</b></u>	<u><b>1.187.875.520</b></u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU**18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa,  
quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**22 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	342.283.936.034	366.177.193.195
Giá vốn của hàng hóa đã bán	38.841.230.994	37.061.066.821
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	29.946.940.366	29.406.757.212
	<b><u>411.072.107.394</u></b>	<b><u>432.645.017.228</u></b>

**23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	1.545.006.161	454.049.878
Lãi bán các khoản đầu tư	17.935.200.000	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	39.999.600	46.666.200
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	447.621.061	363.939.522
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	286.465.299	-
	<b><u>20.254.292.121</u></b>	<b><u>864.655.600</u></b>

**24 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền vay	245.749.233	1.598.005.882
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.419.244.673	1.010.476.713
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	313.027.485
Hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư	-	(185.351.200)
	<b><u>1.664.993.906</u></b>	<b><u>2.736.158.880</u></b>

**25 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.943.410.149	4.294.410.857
Chi phí nhân công	3.015.638.103	3.457.145.226
Chi phí khấu hao tài sản cố định	125.890.236	221.574.498
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.894.745.928	3.104.919.179
Chi phí khác bằng tiền	4.588.619.720	4.402.598.931
	<b><u>14.568.304.136</u></b>	<b><u>15.480.648.691</u></b>

**26 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	637.042.481	602.984.914
Chi phí nhân công	10.115.520.211	11.214.609.506
Chi phí khấu hao tài sản cố định	344.574.577	365.753.653
Thuế, phí, lệ phí	2.137.717.524	2.137.664.089
Chi phí dự phòng	4.306.303.261	1.032.282.864
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.496.191.285	3.589.376.914
Chi phí khác bằng tiền	868.992.266	1.055.240.610
	<b><u>21.906.341.605</u></b>	<b><u>19.997.912.550</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU**18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa,  
quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**27 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	37.796.035.365	22.263.938.478
Các khoản điều chỉnh tăng	653.894.281	1.203.112.897
- Chi phí không hợp lệ	653.894.281	1.203.112.897
Các khoản điều chỉnh giảm	(39.999.600)	(48.191.400)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(39.999.600)	(46.666.200)
- Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	-	(1.525.200)
Thu nhập chịu thuế TNDN	38.409.930.046	23.418.859.975
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)</b>	<b>7.681.986.009</b>	<b>4.683.771.995</b>
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	138.203.353
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	1.529.429.995	1.474.063.653
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(5.306.636.713)	(4.766.609.006)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm</b>	<b>3.904.779.291</b>	<b>1.529.429.995</b>

**28 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	30.114.049.356	17.441.963.130
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	30.114.049.356	17.441.963.130
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	18.062.331	18.062.331
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.667</b>	<b>966</b>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đã được điều chỉnh hồi tố theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 – Lãi trên cổ phiếu.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

**29 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	305.367.341.173	367.349.415.828
Chi phí nhân công	52.397.948.056	58.289.680.308
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.478.544.341	10.667.066.269
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.403.335.536	24.561.830.552
Chi phí khác bằng tiền	5.457.611.986	7.552.571.817
Chi phí dự phòng	4.306.303.261	1.032.282.864
	<b>401.411.084.353</b>	<b>469.452.847.638</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa,  
quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

### 30 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

#### Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

#### Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động giá thị trường, tỷ giá hối đoái, lãi suất.

#### Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	<u>Từ 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Tại ngày 31/12/2024</b>				
Đầu tư dài hạn	-	2.133.312.000	-	2.133.312.000
	<u>-</u>	<u>2.133.312.000</u>	<u>-</u>	<u>2.133.312.000</u>
<b>Tại ngày 01/01/2024</b>				
Đầu tư dài hạn	-	2.496.641.700	-	2.496.641.700
	<u>-</u>	<u>2.496.641.700</u>	<u>-</u>	<u>2.496.641.700</u>

#### Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

#### Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

#### Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).





**CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU**

18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa,  
quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2024</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.906.377.798	-	-	16.906.377.798
Phải thu khách hàng, phải thu khác	60.630.541.116	5.250.000	-	60.635.791.116
Các khoản cho vay	85.000.000.000	-	-	85.000.000.000
	<b>162.536.918.914</b>	<b>5.250.000</b>	<b>-</b>	<b>162.542.168.914</b>
<b>Tại ngày 01/01/2024</b>				
Tiền	11.160.504.865	-	-	11.160.504.865
Phải thu khách hàng, phải thu khác	85.403.486.536	5.250.000	-	85.408.736.536
Các khoản cho vay	25.000.000.000	-	-	25.000.000.000
	<b>121.563.991.401</b>	<b>5.250.000</b>	<b>-</b>	<b>121.569.241.401</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2024</b>				
Phải trả người bán, phải trả khác	25.177.504.451	-	-	25.177.504.451
Chi phí phải trả	733.439.958	-	-	733.439.958
	<b>25.910.944.409</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>25.910.944.409</b>
<b>Tại ngày 01/01/2024</b>				
Vay và nợ	28.159.074.914	-	-	28.159.074.914
Phải trả người bán, phải trả khác	26.809.184.686	-	-	26.809.184.686
Chi phí phải trả	1.346.811.560	-	-	1.346.811.560
	<b>56.315.071.160</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>56.315.071.160</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU**18 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa,  
quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**31 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

**32 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2024	Năm 2023
		VND	VND
<b>Thu nhập của người quản lý chủ chốt</b>		<b>610.556.400</b>	<b>917.192.272</b>
Bà Phạm Thị Thuý Phương	Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm ngày 28/06/2023)	60.000.000	80.000.000
Ông Nguyễn Ngọc Nghị	Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm ngày 27/04/2023)	-	40.000.000
Ông Lưu Nguyễn Chí Nhân	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 27/04/2023)	-	26.666.667
Ông Nguyễn Nam Thái	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 27/04/2023 Miễn nhiệm ngày 28/06/2023)	-	33.333.333
Bà Triệu Thị Ngọc Quỳnh	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 28/06/2024)	40.000.000	13.333.333
Bà Phan Đỗ Hạnh	Thành viên HĐQT Chủ tịch HĐQT (bổ nhiệm ngày 01/11/2024 và miễn nhiệm ngày 25/11/2024)	90.000.000	80.000.000
Bà Trương Nữ Thị Đỗ Quỳnh	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 23/08/2024)	420.556.400	643.858.939
<b>Thù lao của Ban kiểm soát</b>		<b>118.333.333</b>	<b>130.000.000</b>

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

**33 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM kiểm toán.

**Dương Trương Thị Hồng Trinh**

Người lập

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2025

**Nguyễn Hòa Hiệp**

Kế toán trưởng

**La Hoài Nam**

Tổng Giám đốc

## **FINANCIAL STATEMENTS**

**MY CHAU PRINTING & PACKAGING HOLDINGS COMPANY**

For the fiscal year ended as at 31/12/2024

(audited)

## CONTENTS

	<b>Pages</b>
Report of the Board of Management	02-03
Independent Auditors' report	04-05
Audited Financial Statements	06-34
Statement Of Financial Position	06-07
Statement Of Income	08
Statement Of Cashflows	09-10
Notes to Financial Statements	11-34



## **REPORT OF THE BOARD OF MANAGEMENT**

The Board of Management of My Chau Printing & Packaging Holdings Company (“the Company”) presents its report and the Company’s Financial Statements for the fiscal year ended as at 31 December 2024.

### **THE COMPANY**

My Chau Printing & Packaging Holdings Company is an enterprise equitized from My Chau Food Export Factory under Decision No. 207/1998/QĐ/BNN-TCCB dated 10 December 1998 of the Minister of Agriculture and Rural Development. The company operates under the Certificate of Business Registration of a joint stock company with enterprise code No. 0301671386, firstly registered on 5 March 1999 issued by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City, registered for the 14th change on 16 January 2025.

The Company’s head office is located at: 18 Luy Ban Bich, Tan Thoi Hoa Ward, Tan Phu District, Ho Chi Minh City.

### **BOARD OF DIRECTORS, BOARD OF MANAGEMENT, AND BOARD OF SUPERVISION**

Members of The Board of Directors during the fiscal year and to the reporting date are:

Mr. Vu Trong Tuan	Chairman	Mr. Vu Trong Tuan was appointed as a member of the Board of Directors on 1 November 2024 and appointed as Chairman of the Board of Directors on 25 November 2024.
Mrs. Bui Thi Minh Tam	Chairman	Appointed on 28 June 2024; Resigned on 01 November 2024
Mrs. Pham Thi Thuy Phuong	Chairman	Resigned on 28 June 2024
Mrs. Duong Thi Thanh Tam	Independent Member	Appointed on 28 June 2024; Resigned on 01 November 2024
Mrs. Trieu Thi Ngoc Quynh	Member	Resigned on 28 June 2024
Mrs. Phan Do Hanh	Member	Mrs. Phan Do Hanh was appointed as Chairman of the Board of Directors on 1 November 2024 and dismissed from this position on 25 November 2024.

Members of the Board of Management during the fiscal year and to the reporting date are:

Mr. La Hoai Nam	General Director	Appointed on 25 November 2024
Mr. Vu Trong Tuan	General Director	Appointed on 23 August 2024; Resigned on 25 November 2024
Mrs. Truong Nu Thi Do Quynh	General Director	Resigned on 23 August 2024

Members of the Board of Supervision are:

Mrs. Chu Thi Phuong Anh	Head	Appointed on 01 November 2024
Mrs. Pham Thi Minh Huyen	Head	Resigned on 01 November 2024
Mr. Le Van Toi	Member	Appointed on 28 June 2024
Mrs. Le Thi Thanh Hang	Member	Appointed on 01 November 2024
Mrs. Nguyen Thi Cam Vang	Member	Resigned on 28 June 2024
Mrs. Pham Ngoc Hanh Nhung	Member	Resigned on 01 November 2024

**MY CHAU PRINTING & PACKAGING HOLDINGS COMPANY**

18 Luy Ban Bich, Tan Thoi Hoa Ward, Tan Phu District, Ho Chi Minh City

---

**LEGAL REPRESENTATIVE**

The legal representative of the Company during the year and until the preparation of this Financial Statement is Ms. Truong Nu Thi Do Quynh (dismissed on 23/08/2024); Mr. Vu Trong Tuan – General Director (appointed on 23/08/2024, dismissed on 25/11/2024); Mr. La Hoai Nam (appointed on 25/11/2024).

**AUDITORS**

The auditors of AASC Auditing Firm Company Limited have taken the audit of Financial Statements for the Company.

**STATEMENT OF THE BOARD OF MANAGEMENT’S RESPONSIBILITY IN RESPECT OF THE FINANCIAL STATEMENTS**

The Board of Management is responsible for the Financial Statements which give a true and fair view of the financial position of the Company; its operating results and its cash flows for the year. In preparing those Financial Statements, the Board of Management is required to:

- Establish and maintain an internal control system which is determined necessary by The Board of Management and Board of Management to ensure the preparation and presentation of Financial Statements do not contain any material misstatement caused by errors or frauds;
- Select suitable accounting policies and then apply them consistently;
- Make judgments and estimates that are reasonable and prudent;
- State whether applicable accounting standards have been followed, subject to any material departures disclosed and explained in the Financial Statements;
- Prepare the Financial Statements on the basis of compliance with Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Corporate Accounting System and the statutory requirements relevant to preparation and presentation of Financial Statements;
- Prepare the Financial Statements on going concern basis unless it is inappropriate to presume that the Company will continue in business.

The Board of Management is responsible for ensuring that accounting records are kept to reflect the financial position of the Company, with reasonable accuracy at anytime and to ensure that the Financial Statements comply with the current State’s regulations. It is responsible for safeguarding the assets of the Company and hence for taking reasonable steps for the prevention and detection of fraud and other irregularities.

The Board of Management confirms that the Financial Statements give a true and fair view of the financial position at 31 December 2024, its operation results and cash flows in the year 2024 of Company in accordance with the Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Corporate Accounting System and the statutory requirements relevant to preparation and presentation of Financial Statements.

**Other commitments**

The Board of Management pledges that the Company complies with Decree 155/2020/ND-CP dated 31 December 2020 issued by the Government on detailing and guiding the implementation of some articles of the Law on Securities and the Company does not violate its obligations information disclosure according to the provisions of Circular No. 96/2020/TT-BTC dated 16 November 2020 issued by the Ministry of Finance guiding the disclosure of information on Securities Market and Circular No. 68/2024/TT-BTC dated 18 September 2024 issued by the Ministry of Finance on amending and supplementing some articles of Circular No. 96/2020/TT-BTC.

On behalf of The Board of Management



La Hoai Nam

General Director

Ho Chi Minh, 23 March 2025

No.: 230325.002/BCTC.KT2

## INDEPENDENT AUDITOR'S REPORT

**To: Shareholders, Board of Directors and Board of Management  
My Chau Printing & Packaging Holdings Company**

We have audited the accompanying Financial Statements of My Chau Printing & Packaging Holdings Company prepared on 23 March 2025 from page 06 to page 34, including: Statement Of Financial Position as at 31 December 2024, Statement Of Income, Statement Of Cashflows and Notes to Financial Statements for the fiscal year ended 31 December 2024.

### Board of Management's Responsibility

The Board of Management is responsible for the preparation and presentation of Financial Statements that give a true and fair view in accordance with Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Corporate Accounting System and the statutory requirements relevant to the preparation and presentation of Financial Statements and for such internal control as directors determines is necessary to enable the preparation and presentation of Financial Statements that are free from material misstatement, whether due to fraud or error.

### Auditor's responsibility

Our responsibility is to express an opinion on these Financial Statements based on our audit. We conducted our audit in accordance with Vietnamese Standards on Auditing. Those standards require that we comply with standards and ethical requirements; plan and perform the audit to obtain reasonable assurance about whether the Financial Statements are free from material misstatement.

An audit involves performing procedures to obtain audit evidence about the amounts and disclosures in the Financial Statements. The procedures selected depend on the auditor's judgment, including the assessment of the risks of material misstatement of the Financial Statements, whether due to fraud or error. In making those risk assessments, the auditor considers internal control relevant to the entity's preparation and presentation of Financial Statements that give a true and fair view in order to design audit procedures that are appropriate in the circumstances, but not for the purpose of expressing an opinion on the effectiveness of the entity's internal control. An audit also includes evaluating the appropriateness of accounting policies used and the reasonableness of accounting estimates made by Board of Management, as well as evaluating the overall presentation of the Financial Statements.

We believe that the audit evidence we have obtained is sufficient and appropriate to provide a basis for our audit opinion.

**Auditor's opinion**

In our opinion, the Financial Statements give a true and fair view, in all material respects, of the financial position of My Chau Printing & Packaging Holdings Company as at 31 December 2024, its operating results and its cash flows for the year then ended in accordance with the Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Corporate Accounting System and the statutory requirements relevant to preparation and presentation of Financial Statements.

**Other matter**

The financial statements for the fiscal year ended 31 December 2023 of My Chau Printing and Packaging Joint Stock Company have been audited by the Auditor and RSM Vietnam Auditing and Consulting Co., Ltd. The Auditor has expressed an unqualified opinion on these Financial Statements in Audit Report No. 397/2024/KT-RSMHCM dated 28 March 2024.

**AASC Auditing Firm Company Limited**



---

**Vu Xuan Bien**  
Deputy General Director  
Certificate of registration to audit practice  
No: 0743-2023-002-1

---

**Nguyen Trung Kien**  
Auditor  
Certificate of registration to audit practice  
No: 5136-2025-002-1

*Hanoi, 23 March 2025*



## STATEMENT OF FINANCIAL POSITION

As at 31 December 2024

Code	ASSETS	Note	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
100	<b>A. CURRENT ASSETS</b>		<b>294,219,098,541</b>	<b>237,818,943,441</b>
110	<b>I. Cash and cash equivalents</b>	3	<b>16,906,377,798</b>	<b>11,160,504,865</b>
111	1. Cash		15,906,377,798	11,160,504,865
112	2. Cash equivalents		1,000,000,000	-
120	<b>II. Short-term investments</b>	4	<b>85,000,000,000</b>	<b>25,000,000,000</b>
123	1. Held to maturity investments		85,000,000,000	25,000,000,000
130	<b>III. Short-term receivables</b>		<b>129,503,587,107</b>	<b>89,607,219,174</b>
131	1. Short-term trade receivables	5	65,496,808,725	85,874,087,881
132	2. Short-term prepayments to suppliers	6	3,933,045,991	4,203,732,638
135	3. Short-term loan receivables	7	64,940,000,000	-
136	4. Other short-term receivables	8	643,291,977	732,654,980
137	5. Provision for short-term doubtful debts (*)		(5,509,559,586)	(1,203,256,325)
140	<b>IV. Inventories</b>	10	<b>61,637,465,146</b>	<b>109,825,325,972</b>
141	1. Inventories		61,637,465,146	109,825,325,972
150	<b>V. Other short-term assets</b>		<b>1,171,668,490</b>	<b>2,225,893,430</b>
151	1. Short-term prepaid expenses	12	1,110,059,023	1,316,869,241
153	2. Taxes and other receivables from State budget	14	61,609,467	909,024,189
200	<b>B. NON-CURRENT ASSETS</b>		<b>23,476,402,417</b>	<b>81,265,740,316</b>
210	<b>I. Long-term receivables</b>		<b>5,250,000</b>	<b>5,250,000</b>
216	1. Other long-term receivables	8	5,250,000	5,250,000
220	<b>II. Fixed assets</b>		<b>17,047,423,327</b>	<b>24,732,426,977</b>
221	1. Tangible fixed assets	11	17,047,423,327	24,732,426,977
222	- Historical costs		362,859,508,752	360,065,968,061
223	- Accumulated depreciation (*)		(345,812,085,425)	(335,333,541,084)
240	<b>IV. Long-term assets in progress</b>		-	<b>1,223,700,531</b>
242	1. Construction in progress		-	1,223,700,531
250	<b>V. Long-term investments</b>	4	<b>1,972,000,000</b>	<b>48,983,600,000</b>
253	1. Equity investments in other entities		1,972,000,000	48,983,600,000
260	<b>VI. Other long-term assets</b>		<b>4,451,729,090</b>	<b>6,320,762,808</b>
261	1. Long-term prepaid expenses	12	4,451,729,090	6,320,762,808
270	<b>TOTAL ASSETS</b>		<b>317,695,500,958</b>	<b>319,084,683,757</b>

MY CHAU PRINTING & PACKAGING HOLDINGS COMPANY

18 Luy Ban Bich, Tan Thoi Hoa Ward,  
Tan Phu District, Ho Chi Minh City

Financial Statements

For the fiscal year ended as at 31/12/2024

STATEMENT OF FINANCIAL POSITION

As at 31 December 2024

(continue)

Code	CAPITAL	Note	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
<b>300</b>	<b>C. LIABILITIES</b>		<b>40,982,223,894</b>	<b>70,741,259,736</b>
<b>310</b>	<b>I. Current liabilities</b>		<b>40,982,223,894</b>	<b>70,741,259,736</b>
311	1. Short-term trade payables	13	16,025,364,090	16,744,513,230
312	2. Short-term prepayments from customers		275,540,370	82,846,356
313	3. Taxes and other payables to State budget	14	5,737,038,589	5,609,264,390
314	4. Payables to employees		8,454,656,357	7,803,493,974
315	5. Short-term accrued expenses	15	733,439,958	1,346,811,560
319	6. Other short-term payments	16	9,152,140,361	10,064,671,456
320	7. Short-term borrowings and finance lease liabilities	17	-	28,159,074,914
322	8. Bonus and welfare fund		604,044,169	930,583,856
<b>400</b>	<b>D. OWNER'S EQUITY</b>		<b>276,713,277,064</b>	<b>248,343,424,021</b>
<b>410</b>	<b>I. Owner's equity</b>	<b>18</b>	<b>276,713,277,064</b>	<b>248,343,424,021</b>
411	1. Contributed capital		180,810,530,000	150,713,370,000
411a	Ordinary shares with voting rights		180,810,530,000	150,713,370,000
412	2. Share Premium		508,431,449	15,557,011,449
415	3. Treasury shares (*)		(317,124,000)	(317,124,000)
418	4. Development and investment funds		65,574,633,259	64,948,203,442
421	5. Retained earnings		30,136,806,356	17,441,963,130
421a	Retained earnings accumulated to previous year		22,757,000	-
421b	Retained earnings of the current year		30,114,049,356	17,441,963,130
<b>440</b>	<b>TOTAL CAPITAL</b>		<b>317,695,500,958</b>	<b>319,084,683,757</b>

*[Signature]*

*[Signature]*



Duong Truong Thi Hong Trinh  
Preparer

Nguyen Hoa Hiep  
Chief Accountant

La Hoai Nam  
General Director

Ho Chi Minh, 23 March 2025

MY CHAU PRINTING & PACKAGING HOLDINGS COMPANY

18 Luy Ban Bich, Tan Thoi Hoa Ward,  
Tan Phu District, Ho Chi Minh City

Financial Statements

For the fiscal year ended as at 31/12/2024

STATEMENT OF INCOME

Year 2024

Code	ITEM	Note	Year 2024	Year 2023
			VND	VND
01	1. Revenue from sales of goods and rendering of services	20	467,307,693,861	494,021,420,795
02	2. Revenue deductions		701,869,440	1,187,875,520
10	3. Net revenue from sales of goods and rendering of services		466,605,824,421	492,833,545,275
11	4. Cost of goods sold and services rendered	21	411,072,107,394	432,645,017,228
20	5. Gross profit from sales of goods and rendering of services		55,533,717,027	60,188,528,047
21	6. Financial income	22	20,254,292,121	864,655,600
22	7. Financial expenses	23	1,664,993,906	2,736,158,880
23	<i>In which: Interest expenses</i>		245,749,233	1,598,005,882
25	8. Selling expenses	24	14,568,304,136	15,480,648,691
26	9. General and administrative expenses	25	21,906,341,605	19,997,912,550
30	10. Net profit from operating activities		37,648,369,501	22,838,463,526
31	11. Other income		383,019,694	347,624,634
32	12. Other expenses		235,353,830	922,149,682
40	13. Other profit		147,665,864	(574,525,048)
50	14. Total net profit before tax		37,796,035,365	22,263,938,478
51	15. Current corporate income tax expense	26	7,681,986,009	4,821,975,348
52	16. Deferred corporate income tax expense		-	-
60	17. Profit after corporate income tax		30,114,049,356	17,441,963,130
70	18. Basic earnings per share	27	1,667	966

Duong Truong Thi Hong Trinh  
Preparer

Nguyen Hoa Hiep  
Chief Accountant

La Hoai Nam  
General Director

Ho Chi Minh, 23 March 2025

## STATEMENT OF CASH FLOWS

Year 2024

(Indirect method)

Code ITEM	Note	Year 2024	Year 2023
		VND	VND
<b>I. CASH FLOWS FROM OPERATING ACTIVITIES</b>			
01	1. Profit before tax	37,796,035,365	22,263,938,478
	2. Adjustments for		
02	- Depreciation and amortization of fixed assets and investment properties	10,478,544,341	10,667,066,269
03	- Provisions	4,306,303,261	846,931,664
04	- Exchange gains / losses from retranslation of monetary items denominated in foreign currency	(286,465,299)	(1,525,200)
05	- Gains/losses from investment activities	(19,520,205,761)	(500,716,078)
06	- Interest expense	245,749,233	1,598,005,882
08	3. Operating profit before changes in working capital	33,019,961,140	34,873,701,015
09	- Increase/decrease in receivables	21,147,569,559	2,818,517,665
10	- Increase/decrease in inventories	48,187,860,826	10,475,017,195
11	- Increase/decrease in payables (excluding interest payable/ corporate income tax payable)	(3,071,203,349)	(6,371,895,987)
12	- Increase/decrease in prepaid expenses	2,075,843,936	845,391,592
14	- Interest paid	(536,851,122)	(1,385,044,056)
15	- Corporate income tax paid	(5,306,636,713)	(4,766,609,006)
17	- Other payments on operating activities	(2,070,736,000)	(1,968,549,263)
20	Net cash flows from operating activities	93,445,808,277	34,520,529,155
<b>II. CASH FLOWS FROM INVESTING ACTIVITIES</b>			
21	1. Purchase or construction of fixed assets and other long-term assets	(1,569,840,160)	(1,995,705,031)
23	2. Loans and purchase of debt instruments from other entities	(149,940,000,000)	(25,000,000,000)
24	3. Collection of loans and resale of debt instrument of other entities	25,000,000,000	-
26	4. Proceeds from equity investment in other entities	64,946,800,000	-
27	5. Interest and dividend received	2,022,179,730	63,542,181
30	Net cash flows from investing activities	(59,540,860,430)	(26,932,162,850)
<b>III CASH FLOWS FROM FINANCING ACTIVITIES</b>			
33	1. Proceeds from borrowings	5,764,790,764	54,727,813,268
34	2. Repayment of principal	(33,923,865,678)	(56,424,405,046)
40	Net cash flows from financing activities	(28,159,074,914)	(1,696,591,778)

**MY CHAU PRINTING & PACKAGING HOLDINGS COMPANY**

18 Luy Ban Bich, Tan Thoi Hoa Ward,  
Tan Phu District, Ho Chi Minh City

**Financial Statements**

For the fiscal year ended as at 31/12/2024

**STATEMENT OF CASH FLOWS**

*Year 2024  
(Indirect method)*

Code ITEM	Note	Year 2024	Year 2023
		VND	VND
50	Net cash flows in the year	5,745,872,933	5,891,774,527
60	Cash and cash equivalents at beginning of the year	11,160,504,865	5,267,205,138
61	Effect of exchange rate fluctuations	-	1,525,200
70	Cash and cash equivalents at end of the year	<u>16,906,377,798</u>	<u>11,160,504,865</u>





**Duong Trung Thi Hong Trinh**  
Preparer

**Nguyen Hoa Hiep**  
Chief Accountant

**La Hoai Nam**  
General Director

*Ho Chi Minh, 23 March 2025*

## NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS

Year 2024

### 1 . GENERAL INFORMATION

#### Form of ownership

My Chau Printing & Packaging Holdings Company is an enterprise equitized from My Chau Food Export Factory under Decision No. 207/1998/QD/BNN-TCCB dated 10 December 1998 of the Minister of Agriculture and Rural Development. The company operates under the Certificate of Business Registration of a joint stock company with enterprise code No. 0301671386, firstly registered on 5 March 1999 issued by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City, registered for the 14th change on 16 January 2025.

The Company's head office is located at: 18 Luy Ban Bich, Tan Thoi Hoa Ward, Tan Phu District, Ho Chi Minh City.

Company's Charter capital: VND 180,810,530,000. Actual charter capital as at 31 December 2024 is VND 180,810,530,000; equivalent to 18,081,053 shares with the price of VND 10,000 per share.

The number of employees of the Company as at 31 December 2024 is 264 (as at 01 January 2024: 272).

#### Business field

Printing and manufacturing of metal packaging.

#### Business activities

Main business activities of the Company include:

- Production and processing of all kinds of metal packaging;
- Rental services of yards, factories, warehouses under the Company's use;
- Printing and coating varnish on iron sheets;
- Wholesale of materials and chemicals using printing technology on iron sheets;
- Wholesale of iron sheets, aluminum sheets (in rolls and sheets);
- Export, import, export rights, import rights of machinery, equipment and spare parts used in the fields of: printing and coating varnish on iron sheets;
- Trading in agricultural and forestry raw materials (except wood, bamboo, rattan) and live animals;
- Installation of industrial machinery and equipment.

### 2 . ACCOUNTING SYSTEM AND ACCOUNTING POLICY

#### 2.1 . Accounting period and accounting currency

Annual accounting period commences from 01 January and ends as at 31 December.

The Company maintains its accounting records in Vietnam Dong (VND).

#### 2.2 . Standards and Applicable Accounting Policies

##### *Applicable Accounting Policies*

The Company applies Corporate Accounting System issued under the Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014 by the Ministry of Finance and the Circular No. 53/2016/TT-BTC dated 21 March 2016 issued by Ministry of Finance amending and supplementing some articles of the Circular No. 200/2014/TT-BTC.

*Declaration of compliance with Accounting Standards and Accounting System*

The Company applies Vietnamese Accounting Standards and supplementary documents issued by the State. Financial Statements are prepared and presented in accordance with regulations of each standard and supplementary document as well as with current Accounting Standards and Accounting System.

**2.3 . Accounting estimates**

The preparation of Financial Statements in conformity with Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Corporate Accounting System and legal regulations relating to financial reporting requires the Board of Management to make estimates and assumptions that affect the reported amounts of liabilities, assets and disclosures of contingent liabilities and assets at the date of the financial statements and the reported amounts of revenues and expenses during the fiscal year.

The estimates and assumptions that have a material impact in the Financial Statements include:

- Provision for bad debts;
- Provision for devaluation of inventory;
- Estimated allocation of prepaid expenses;
- Estimated useful life of fixed assets;
- Classification and provision of financial investments;
- Estimated income tax.

Such estimates and assumptions are continually evaluated. They are based on historical experience and other factors, including expectations of future events that may have a financial impact on the Company and that are assessed by the Board of Management to be reasonable under the circumstances.

**2.4 . Financial Instruments**

*Initial recognition*

Financial assets

Financial assets of the Company include cash, cash equivalents, trade receivables, other receivables, lending loans, long-term and short-term investments. At initial recognition, financial assets are identified by purchasing price/issuing cost plus other expenses directly related to the purchase and issuance of those assets.

Financial liabilities

Financial liabilities of the Company include borrowings, trade payables, other payables and accrued expenses. At initial recognition, financial liabilities are determined by issuing price plus other expenses directly related to the issuance of those liabilities.

*Subsequent measurement after initial recognition*

Financial assets and financial liabilities are not revalued according to fair value at the end of the year because the Circular No.210/2009/TT-BTC and prevailing statutory regulations require to present Financial statements and Notes to financial instruments but not provide any relevant instruction for assessment and recognition of fair value of financial assets and financial liabilities.

## 2.5 . Foreign currency transactions

Foreign currency transactions during the year are translated into Vietnam Dong using the actual rate at transaction date.

Actual exchange rate when revaluating monetary items denominated in foreign currencies at the reporting date of the Financial Statements is determined under the following principles:

- For asset accounts, applying the bid rate of the commercial bank where the Company regularly conducts transaction;
- For cash deposited in bank, applying the bid rate of the commercial bank where the Company opens its foreign currency accounts;
- For liability accounts, applying the offer rate of the commercial bank where the Company regularly conducts transaction.

All exchange differences arising as a result of transactions or revaluation at the balance sheet date shall be recorded into the financial income or expense in the year.

## 2.6 . Cash and cash equivalents

Cash comprises demand deposits.

Cash equivalents are short-term investments with the maturity of not over than 3 months from the date of investment, that are highly liquid and readily convertible into known amount of cash and that are subject to an insignificant risk of conversion into cash.

## 2.7 . Financial investments

*Investments held to maturity* comprise term deposits held to maturity to earn profits periodically and other held to maturity investments.

*Investments in other entities* comprise investments in equity instruments of other entities without having control, joint control, or significant influence on the investee. These investments are initially stated at original cost. After initial recognition, these investments are measured at original cost less provision for devaluation of investments.

Provision for devaluation of investments is made at the end of the year as followings:

- Long-term investments (other than trading securities) without significant influence on the investee: If the investment in listed shares or the fair value of the investment is determined reliably, provisions shall be made on the basis of the market value of the shares; if the fair value of the investment is not determined at the reporting date, provision shall be made based on the Financial Statements at the provision date of the investee.
- Investments held to maturity: provision for doubtful debts shall be made based on the recovery capacity in accordance with statutory regulations.

## 2.8 . Receivables

The receivables shall be recorded in details in terms of due date, entities receivable, types of currency and other factors according to requirements for management of the Company. The receivables shall be classified into short-term receivables or long-term receivables on the financial statements according to their remaining terms at the reporting date.



The provision for doubtful debts is made for receivables that are overdue under an economic contract, a loan agreement, a contractual commitment or a promissory note and for receivables that are not due but difficult to be recovered. Accordingly, the provisions for overdue debts shall be based on the due date stipulated in the initial sale contract, exclusive of the debt rescheduling between contracting parties and the case where the debts are not due but the debtor is in bankruptcy, in dissolution, or missing and making fleeing or estimating the possible losses.

## 2.9 . Inventories

Inventories are initially recognized at original cost including purchase price, processing cost and other costs incurred in bringing the inventories to their location and condition at the time of initial recognition. After initial recognition, at the reporting date, inventories are stated at the lower of cost and net realizable value.

Net realizable value is estimated based on the selling price of the inventory minus the estimated costs for completing the products and the estimated costs needed for their consumption.

The cost of inventory is calculated using weighted average method.

Inventory is recorded by perpetual method.

Provision for devaluation of inventories made at the end of the period is based on the excess of original cost of inventory over their net realizable value.

## 2.10 . Fixed assets

Tangible fixed assets are initially stated at the historical cost. During the using time, tangible fixed assets are recorded at cost, accumulated depreciation and carrying amount.

### *Subsequent measurement after initial recognition*

If these costs ament future economic benefits obtained from the use of tangible fixed assets are extended to their initial standards conditions, these costs are capitalized as an incremental in their historical cost.

Other costs incurred after tangible fixed assets have been put into operation such as repair, maintenance and overhaul costs are recognized in the Statement of Income in the year in which the costs are incurred.

Fixed assets are amortised using the straight-line method over their estimated useful lives as follows:

- Buildings, structures	05 - 10 years
- Machine, equipment	05 - 10 years
- Vehicles, Transportation equipment	06 - 10 years
- Office equipment and furniture	03 - 05 years
- Other fixed assets	03 - 05 years

## 2.11 . Operating lease

Operating leases is fixed asset leasing in which a significant portion of the risks and rewards of ownership are retained by the lessor. Payments made under operating leases are charged to Statement of Income on a straight-line basis over the period of the lease.

**2.12 . Prepaid expenses**

The expenses incurred but related to operating results of several accounting periods are recorded as prepaid expenses and are allocated to the operating results in the following accounting periods.

The calculation and allocation of long-term prepaid expenses to operating expenses in each accounting period should be based on the nature of those expenses to select a reasonable allocation method and criteria.

Types of prepaid expenses include:

- Tools and supplies include assets which are possessed by the Company in an ordinary course of business, with historical cost of each asset less than 30 million dongs and therefore not eligible for recording as fixed asset under current legal regulations. The historical cost of tools and supplies are allocated on the straight-line basis from 02 to 36 months.
- Major repair costs are recorded at cost and are amortized on a straight-line basis over their useful lives ranging from 12 months to 36 months.
- Other prepaid expenses are recorded at their historical costs and allocated on the straight-line basis from 02 to 36 months.

**2.13 . Payables**

The payables shall be recorded in details in terms of due date, entities payable, types of currency and other factors according to the requirements for management of the Company. The payables shall be classified into short-term payables or long-term payables on the financial statements according to their remaining terms at the reporting date.

**2.14 . Borrowings**

Borrowings shall be recorded in details in terms of lending entities, loan agreement and terms of borrowings.

**2.15 . Borrowing costs**

Borrowing costs are recognized as operating expenses in the year, in which it is incurred excepting those which are directly attributable to the construction or production of a qualifying asset are capitalized as part of the cost of that asset in accordance with VAS No. 16 "Borrowing costs". Besides, regarding borrowings serving the construction of fixed assets and investment properties, the interests shall be capitalized even when the construction duration is under 12 months.

**2.16 . Accrued expenses**

Accrued expenses include payables to goods or services received from the suppliers or provided for the customers during the reporting period, but the payments for such goods or services have not been made and other payables such as interest expenses, sales commission accrual, etc. which are recorded as operating expenses of the reporting year.

The recording of accrued expenses as operating expenses during the year shall be carried out under the matching principle between revenues and expenses during the year. Accrued expenses are settled with actual expenses incurred. The difference between accrued and actual expenses is reverted.

**2.17 . Owner's equity**

Owner's equity is stated at actually contributed capital of owners.

Share premium is recorded at the difference between the par value with costs directly attributable to the issuance of shares and issue price of shares (including the case of re-issuing treasury shares) and can be a positive premium (if the issue price is higher than par value and costs directly attributable to the issuance of shares) or negative premium (if the issue price is lower than par value and costs directly attributable to the issuance of shares).

Treasury shares bought before the effective date of the Securities Law 2019 (January 1, 2021) are shares issued by the Company and bought-back by itself, but these are not cancelled and may be re-issued subsequently in accordance with the Law on Securities. Treasury shares bought after January 1, 2021 will be cancelled and adjusted to reduce equity.

Retained earnings are used to present the Company's operating results (profit, loss) after corporate income tax and profits appropriation or loss handling of the Company.

**2.18 . Revenue**

Revenue is recognized to the extent that it is probable that the economic benefits will flow to the Company and the revenue can be reliably measured regardless of when payment is being made. Revenue is measured at the fair value of the consideration received, excluding discounts, rebates, and sales returns. The following specific recognition conditions must also be met when recognizing revenue:

*Revenue from sale of goods*

- The majority of risks and benefits associated with the right to own the products or goods have been transferred to the buyer;
- The company no longer holds the right to manage the goods as the goods owner, or the right to control the goods;

*Revenue from rendering of services:*

- The percentage of completion of the transaction at the Balance sheet date can be measured reliably.

*Financial income*

Financial incomes include income from assets yielding interest, royalties, dividends and other financial gains by the company shall be recognised when the two conditions are satisfied:

- It is probable that the economic benefits associated with the transaction will flow to the Company; and
- The amount of the revenue can be measured reliably.

**2.19 . Cost of goods sold and services rendered**

Cost of goods sold and services rendered are cost of finished goods, merchandises, materials sold or services rendered during the year, and recorded on the basis of matching with revenue and on a prudence basis. Cases of loss of materials and goods exceeded the norm, labour cost and fixed manufacturing overheads not allocated to the value of inventory, provision for devaluation of inventory, abnormal expenses and losses of inventories after deducting the responsibility of collective and individuals concerned, etc. is recognized fully and promptly into cost of goods sold in the year even when products and goods have not been determined as sold.

**2.20 . Financial expenses**

Items recorded into financial expenses comprise:

- Borrowing costs;
- Losses from sale of foreign currency, exchange loss, etc.

The above items are recorded by the total amount arising in the year without offsetting against financial income.

**MY CHAU PRINTING & PACKAGING HOLDINGS COMPANY**

18 Luy Ban Bich, Tan Thoi Hoa Ward,  
Tan Phu District, Ho Chi Minh City

**Financial Statements**

For the fiscal year ended as at 31/12/2024

**2.21 . Corporate income tax**

## a) Current corporate income tax expenses

Current corporate income tax expenses are determined based on taxable income during the period and current corporate income tax rate.

## b) Current corporate income tax rate

The fiscal year ended as at 31 December 2024, the Company applies the corporate income tax rate of 20% for the operating activities which has taxable income.

**2.22 . Earnings per share**

Basic earnings per share are calculated by dividing net profit or loss after tax for the year attributable to ordinary shareholders of the Company (after adjusting for the bonus and welfare fund and allowance for Board of Management) by the weighted average number of ordinary shares outstanding during the year.

**2.23 . Related Parties**

The parties are regarded as related parties if that party has the ability to control or significantly influence the other party in making decisions about the financial policies and activities. The Company's related parties include:

- Companies, directly or indirectly through one or more intermediaries, having control over the Company or being under the control of the Company, or being under common control with the Company, including the Company's parent, subsidiaries and associates;
- Individuals, directly or indirectly, holding voting power of the Company that have a significant influence on the Company, key management personnel including directors and employees of the Company, the close family members of these individuals;
- Enterprises that the above-mentioned individuals directly or indirectly hold an important part of the voting power or have significant influence on these enterprises.

In considering the relationship of related parties to serve for the preparation and presentation of Financial Statements, the Company should consider the nature of the relationship rather than the legal form of the relationship.

**2.24 . Segment information**

The Company's main business activities are manufacturing and processing metal packaging and mainly take place in Vietnam, so the Company does not prepare segment reports by business segment and geographical segment.

**3 . CASH AND CASH EQUIVALENTS**

	<u>31/12/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
Demand deposits	15,906,377,798	11,160,504,865
Cash equivalents	1,000,000,000	-
	<u><u>16,906,377,798</u></u>	<u><u>11,160,504,865</u></u>

As at 31/12/2024, the cash equivalents are deposits with term 01 month with the amount of VND 1,000,000,000 at Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development at the interest rate of 2.9% / year.

**4 . FINANCIAL INVESTMENTS**

**a) Held to maturity investments**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Original cost	Provision	Original cost	Provision
	VND	VND	VND	VND
- Term deposits	85,000,000,000	-	25,000,000,000	-
	<u>85,000,000,000</u>	<u>-</u>	<u>25,000,000,000</u>	<u>-</u>

As of 31 December 2024, the held-to-maturity investments are deposit contracts at Saigon - Hanoi Commercial Joint Stock Bank - Ho Chi Minh City Branch with a term of 6 months with interest rates from 5.3%/year to 5.8%/year.

**b) Investments in equity of other entities**

	31/12/2024			01/01/2024		
	Original cost	Fair value	Provision	Original cost	Fair value	Provision
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Vegetable and Fruit Port Joint Stock Company (VGP) (*)	1,972,000,000	2,133,312,000	-	1,972,000,000	2,496,641,700	-
- Viet Ha Beer and Beverage Joint Stock Company (i)	-	-	-	12,586,600,000	-	-
- Handicraft Import Export Joint Stock Company (ii)	-	-	-	34,425,000,000	-	-
	<u>1,972,000,000</u>	<u>2,133,312,000</u>	<u>-</u>	<u>48,983,600,000</u>	<u>2,496,641,700</u>	<u>-</u>

(\*) The fair value of this financial investments is determined based on the closing price at the date of preparation of the Financial Statements on HNX as of 29 December 2023 and 31 December 2024.

- (i) During the year, the Company sold 535,600 shares of Viet Ha Beer and Beverage Joint Stock Company to other investors, equivalent to a total par value of VND 12,586,600,000, selling price of VND 14,996,800,000. After the above transactions, as of 31 December 2024, the Company no longer owns shares of this Company.
- (ii) During the year, the Company sold 1,350,000 shares of Handicraft Import-Export Joint Stock Company to other investors, equivalent to a total par value of VND 34,425,000,000, selling price of VND 49,950,000,000. After the above transactions, as of 31 December 2024, the Company no longer owns shares of this Company.

MY CHAU PRINTING & PACKAGING HOLDINGS COMPANY

18 Luy Ban Bich, Tan Thoi Hoa Ward,  
Tan Phu District, Ho Chi Minh City

Financial Statements

For the fiscal year ended as at 31/12/2024

5 . SHORT-TERM TRADE RECEIVABLES

	31/12/2024		01/01/2024	
	Value	Provision	Value	Provision
	VND	VND	VND	VND
<i>Others</i>	65,496,808,725	(5,509,559,586)	85,874,087,881	(1,203,256,325)
- Blue Sea Canned Food Joint Stock Company	11,185,722,434	(3,834,252,805)	8,564,852,108	(118,390,272)
- KG Trading Joint Stock Company	6,779,128,094	-	6,617,179,769	-
- TP Canned Food Joint Stock Company	6,164,679,290	-	11,497,756,688	-
Others	41,367,278,907	(1,675,306,781)	59,194,299,316	(1,084,866,053)
	<u>65,496,808,725</u>	<u>(5,509,559,586)</u>	<u>85,874,087,881</u>	<u>(1,203,256,325)</u>

6 . SHORT-TERM PREPAYMENTS TO SUPPLIERS

	31/12/2024		01/01/2024	
	Value	Provision	Value	Provision
	VND	VND	VND	VND
<i>Others</i>	3,933,045,991	-	4,203,732,638	-
JIANGSU YOUFU SHEET TECHNOLOGY CO., LTD.	2,487,154,525	-	-	-
Melchers Techexport GMBH	-	-	1,397,716,600	-
Others	1,445,891,466	-	2,806,016,038	-
	<u>3,933,045,991</u>	<u>-</u>	<u>4,203,732,638</u>	<u>-</u>

7 . LOAN RECEIVABLES

	01/01/2024		During the year		31/12/2024	
	Value	Provision	Increase	Decrease	Value	Provision
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<i>Others</i>						
- Quynh Luong Urban Development and Investment Joint Stock Company	-	-	64,940,000,000	-	64,940,000,000	-
	-	-	64,940,000,000	-	64,940,000,000	-

Details regarding short term loans:

Loan Agreement No. 1812/HDVV/MCP-QL dated December 18, 2024 and Loan Agreement No. 2412/HDVV/MCP-QL dated December 24, 2024 between My Chau Printing and Packaging Joint Stock Company and Quynh Luong Urban Investment and Development Joint Stock Company, with the following detailed terms:

- Total loan amount: VND 64,940,000,000;
- Loan purpose: For business needs;
- Contract term: 12 months from the expected date of transfer;
- Loan interest rate: as agreed, not less than 10.5%/year and determined at the end of each calendar year;
- Principal balance at the end of the year: VND 64,940,000,000;
- Loan security forms: No collateral.

**MY CHAU PRINTING & PACKAGING HOLDINGS COMPANY**

 18 Luy Ban Bich, Tan Thoi Hoa Ward,  
 Tan Phu District, Ho Chi Minh City

**Financial Statements**

For the fiscal year ended as at 31/12/2024

**8 . OTHER RECEIVABLES**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Value	Provision	Value	Provision
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Short-term</b>				
Receivables from interest of deposit, loan	-	-	437,173,969	-
Receivables from social insurance	9,332,266	-	9,221,454	-
Receivables from health insurance	9,268,433	-	9,389,616	-
Advances	15,536,455	-	28,795,909	-
Others	609,154,823	-	248,074,032	-
	<u>643,291,977</u>	<u>-</u>	<u>732,654,980</u>	<u>-</u>
<b>b) Long-term</b>				
Mortgages	5,250,000	-	5,250,000	-
	<u>5,250,000</u>	<u>-</u>	<u>5,250,000</u>	<u>-</u>

**9 . DOUBTFUL DEBTS**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Original cost	Recoverable value	Original cost	Recoverable value
	VND	VND	VND	VND
Total value of receivables and debts that are overdue or not due but difficult to be recovered				
- Blue Sea Canned Food Company Limited	-	-	1,230,603,440	861,422,408
- An Co Family Food Joint Stock Company	418,296,120	153,488,836	419,392,050	209,696,025
- Blue Sea Canned Food Joint Stock Company	9,276,177,962	5,441,925,157	394,634,240	276,243,968
- Others	3,697,055,034	2,286,555,537	1,017,936,454	511,947,458
	<u>13,391,529,116</u>	<u>7,881,969,530</u>	<u>3,062,566,184</u>	<u>1,859,309,859</u>

**10 . INVENTORIES**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Original cost	Provision	Original cost	Provision
	VND	VND	VND	VND
Raw material	44,224,244,175	-	84,900,198,209	-
Tools, supplies	2,059,006,091	-	2,276,475,095	-
Finished goods	15,354,214,880	-	22,648,652,668	-
	<u>61,637,465,146</u>	<u>-</u>	<u>109,825,325,972</u>	<u>-</u>



11 . TANGIBLE FIXED ASSETS

	Buildings, structures	Machinery, equipment	Vehicles, transportation equipment	Management equipment	Others	Total
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Historical cost</b>						
Beginning balance	10,667,980,186	340,452,201,387	7,435,141,700	863,213,045	647,431,743	360,065,968,061
- Purchase in the year	-	2,793,540,691	-	-	-	2,793,540,691
<b>Ending balance of the year</b>	<b>10,667,980,186</b>	<b>343,245,742,078</b>	<b>7,435,141,700</b>	<b>863,213,045</b>	<b>647,431,743</b>	<b>362,859,508,752</b>
<b>Accumulated depreciation</b>						
Beginning balance	10,048,556,454	318,558,555,262	5,650,669,397	802,390,729	273,369,242	335,333,541,084
- Depreciation for the year	107,686,356	10,009,964,645	303,552,072	9,841,272	47,499,996	10,478,544,341
<b>Ending balance of the year</b>	<b>10,156,242,810</b>	<b>328,568,519,907</b>	<b>5,954,221,469</b>	<b>812,232,001</b>	<b>320,869,238</b>	<b>345,812,085,425</b>
<b>Net carrying amount</b>						
Beginning balance	619,423,732	21,893,646,125	1,784,472,303	60,822,316	374,062,501	24,732,426,977
<b>Ending balance</b>	<b>511,737,376</b>	<b>14,677,222,171</b>	<b>1,480,920,231</b>	<b>50,981,044</b>	<b>326,562,505</b>	<b>17,047,423,327</b>

*In which:*

- Cost of fully depreciated tangible fixed assets but still in use at the end of the year: 260,267,371,895 VND

**MY CHAU PRINTING & PACKAGING HOLDINGS COMPANY**

18 Luy Ban Bich, Tan Thoi Hoa Ward,  
Tan Phu District, Ho Chi Minh City

**Financial Statements**

For the fiscal year ended as at 31/12/2024

**12 . PREPAID EXPENSES**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>a) Short-term</b>		
Insurance costs	626,720,715	481,214,128
Dispatched tools and supplies	307,276,812	408,828,923
Others	176,061,496	426,826,190
	<b><u>1,110,059,023</u></b>	<b><u>1,316,869,241</u></b>
<b>b) Long-term</b>		
Dispatched tools and supplies	3,767,788,408	6,118,175,125
Major factory repair costs	666,094,558	31,083,338
Others	17,846,124	171,504,345
	<b><u>4,451,729,090</u></b>	<b><u>6,320,762,808</u></b>

**13 . SHORT-TERM TRADE PAYABLES**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Outstanding balance	Amount can be paid	Outstanding balance	Amount can be paid
	VND	VND	VND	VND
<i>Others</i>				
HENKEL SINGAPORE PTE. LTD	3,786,106,298	3,786,106,298	3,837,544,920	3,837,544,920
CANCOAT (VIETNAM) COMPANY LIMITED	1,794,146,086	1,794,146,086	1,038,290,000	1,038,290,000
GCM Packaging (Vietnam) Co., Ltd.	2,269,609,346	2,269,609,346	1,013,834,522	1,013,834,522
Others	8,175,502,360	8,175,502,360	10,854,843,788	10,854,843,788
	<b><u>16,025,364,090</u></b>	<b><u>16,025,364,090</u></b>	<b><u>16,744,513,230</u></b>	<b><u>16,744,513,230</u></b>

14 . TAX AND OTHER PAYABLES TO THE STATE BUDGET

	Receivable at the opening year	Payable at the opening year	Payable arise in the year	Amount paid in the year	Receivable at the closing year	Payable at the closing year
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Value added tax	836,645,531	-	36,697,896,143	34,229,935,459	-	1,631,315,153
Export, import duties	72,378,658	-	515,112,678	442,734,020	-	-
Corporate income tax	-	1,529,429,995	7,681,986,009	5,306,636,713	-	3,904,779,291
Personal income tax	-	154,711,375	912,412,762	924,789,459	58,609,467	200,944,145
Land tax and land rental	-	3,925,123,020	10,298,912,177	14,224,035,197	-	-
Fees, charges and other payables	-	-	3,000,000	6,000,000	3,000,000	-
	<u>909,024,189</u>	<u>5,609,264,390</u>	<u>56,109,319,769</u>	<u>55,134,130,848</u>	<u>61,609,467</u>	<u>5,737,038,589</u>

The Company's tax settlements are subject to examination by the tax authorities. Because the application of tax laws and regulations on many types of transactions is susceptible to varying interpretations, amounts reported in the financial statements could be changed at a later date upon final determination by the tax authorities.

15 . ACCRUED EXPENSES

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Accrued interest expenses	-	291,101,889
- Sales commission expense deduction	733,439,958	993,209,671
- Others	-	62,500,000
	<u>733,439,958</u>	<u>1,346,811,560</u>

16 . OTHER SHORT-TERM PAYMENTS

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Surplus assets pending settlement	726,560,350	285,989,557
- Union funds	512,152,684	728,118,265
- Unemployment insurance	167,706	197,298
- Receiving short-term deposits and pledges	7,448,293,795	8,495,894,180
- Others	464,965,826	554,472,156
	<u>9,152,140,361</u>	<u>10,064,671,456</u>

17 . SHORT-TERM BORROWINGS

	01/01/2024		During the year		31/12/2024	
	Outstanding balance	Amount can be paid	Increase	Decrease	Outstanding balance	Amount can be paid
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam - Ho Chi Minh City Branch	28,159,074,914	28,159,074,914	5,764,790,764	33,923,865,678	-	-
	<u>28,159,074,914</u>	<u>28,159,074,914</u>	<u>5,764,790,764</u>	<u>33,923,865,678</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

MY CHAU PRINTING & PACKAGING HOLDINGS COMPANY

18 Luy Ban Bich, Tan Thoi Hoa Ward, Tan Phu District, Ho Chi Minh City

Financial Statements

For the fiscal year ended as at 31/12/2024

18 . OWNER'S EQUITY

a) Changes in owner's equity

	Contributed capital	Share premium	Treasury shares	Development and investment funds	Retained earnings	Total
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Beginning balance of previous year	150,713,370,000	15,557,011,449	(317,124,000)	54,796,833,014	11,279,300,476	232,029,390,939
Profit/loss for previous year	-	-	-	-	17,441,963,130	17,441,963,130
Profit distribution	-	-	-	10,151,370,428	(11,279,300,476)	(1,127,930,048)
Ending balance of previous year	<u>150,713,370,000</u>	<u>15,557,011,449</u>	<u>(317,124,000)</u>	<u>64,948,203,442</u>	<u>17,441,963,130</u>	<u>248,343,424,021</u>
Beginning balance of current year	150,713,370,000	15,557,011,449	(317,124,000)	64,948,203,442	17,441,963,130	248,343,424,021
Beginning balance of current year	30,097,160,000	(15,048,580,000)	-	-	(15,048,580,000)	-
Profit/loss for current year	-	-	-	-	30,114,049,356	30,114,049,356
Profit distribution	-	-	-	626,429,817	(2,370,626,130)	(1,744,196,313)
Ending balance of this year	<u>180,810,530,000</u>	<u>508,431,449</u>	<u>(317,124,000)</u>	<u>65,574,633,259</u>	<u>30,136,806,356</u>	<u>276,713,277,064</u>

(\*) According to Resolution of the General Meeting of Shareholders No. 08/2024/NQ-ĐHĐCĐ dated 28 June 2024, the Company has distributed profits for 2023 as follows:

	Rate	Amount
	%	VND
Net Profit after tax 2023	13.59%	17,441,963,130
Development and investment fund	3.59%	626,429,817
Bonus and welfare fund	10.00%	1,744,196,313

**MY CHAU PRINTING & PACKAGING HOLDINGS COMPANY**

18 Luy Ban Bich, Tan Thoi Hoa Ward,  
Tan Phu District, Ho Chi Minh City

**Financial Statements**

For the fiscal year ended as at 31/12/2024

**(\*\*) Capital increase information**

1) According to the Resolution of the General Meeting of Shareholders No. 08/2024/NQ-ĐHĐCĐ dated June 28, 2024, the Company shall issue shares to increase its equity capital from its equity capital. Specifically as follows:

- Source of capital for implementation: From the Company's capital surplus based on the 2023 Audited Financial Statements and ensuring compliance with the provisions of law;
- Closing date of issuance: December 2, 2024; Effective date of additional listing: January 2, 2025;
- Issuance value: VND 15,048,580,000; Par value VND 10,000/share;
- Number of shares distributed: 1,504,858 shares; Number of shareholders distributed: 888 shareholders;
- Total number of shares of the Company after the issuance is: 16,576,196 shares, of which the number of outstanding shares is 16,557,473 shares, the number of treasury shares is 18,722 shares.

2) According to the Resolution of the General Meeting of Shareholders No. 08/2024/NQ-ĐHĐCĐ dated June 28, 2024, the Company shall issue shares to pay dividends. Specifically as follows:

- Source of capital for implementation: From the Company's undistributed profits based on the 2023 Audited Financial Statements and ensuring compliance with the provisions of law;
- Closing date of issuance: December 2, 2024; Effective date of additional listing: January 2, 2025;
- Issuance value: VND 15,048,580,000; Par value VND 10,000/share;
- Number of shares distributed: 1,504,858 shares; Number of shareholders distributed: 888 shareholders;
- Total number of shares of the Company after the issuance is: 18,099,825 shares, of which the number of outstanding shares is 18,081,053 shares, the number of treasury shares is 18,722 shares.

According to Notice No. 28/TB-SGDHCM of Ho Chi Minh City Stock Exchange dated January 7, 2025, the number of securities changed to be listed after 2 rounds of issuing shares to pay dividends and issuing shares to increase equity capital from owners' equity is 3,009,716 shares; The effective date of the listing change is January 2, 2025; The trading date of the securities changed to be listed is: January 16, 2025.

The Company has completed the increase in charter capital through the 14th change of the Business Registration Certificate dated January 16, 2025.

**b) Details of Contributed capital**

	Rate	Ending of the year	Rate	Beginning of the year
	(%)	VND	(%)	VND
Asia Pearl Joint Stock Company	4.58%	8,280,000,000	24.64%	37,135,000,000
Mr. Tran Quang Huy	24.59%	44,453,352,000	24.58%	37,044,460,000
Mrs. Phan Do Hanh	13.99%	25,296,000,000	13.99%	21,080,000,000
Saigon - Hanoi Securities JSC	0.00%	-	11.94%	18,000,000,000
Viet Leader Asset Investment Company Limited	20.24%	36,600,000,000	0.00%	-
Others	36.50%	65,993,958,000	24.73%	37,266,690,000
Treasury stock	0.10%	187,220,000	0.12%	187,220,000
	<b>100%</b>	<b>180,810,530,000</b>	<b>100%</b>	<b>150,713,370,000</b>

**c) Capital transactions with owners and distribution of dividends and profits**

	Year 2024	Year 2023
	VND	VND
Owner's contributed capital	180,810,530,000	150,713,370,000
- At the beginning of year	150,713,370,000	150,713,370,000
- Increase in the year	30,097,160,000	-
- At the ending of year	<b>180,810,530,000</b>	<b>150,713,370,000</b>

**MY CHAU PRINTING & PACKAGING HOLDINGS COMPANY**

18 Luy Ban Bich, Tan Thoi Hoa Ward,  
Tan Phu District, Ho Chi Minh City

**Financial Statements**

For the fiscal year ended as at 31/12/2024

d) <b>Share</b>		<u>31/12/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
Quantity of Authorized issuing shares		18,081,053	15,071,337
Quantity of issued shares		18,081,053	15,071,337
- <i>Common shares</i>		<i>18,081,053</i>	<i>15,071,337</i>
Quantity of shares repurchased		18,722	18,722
- <i>Common shares</i>		<i>18,722</i>	<i>18,722</i>
Quantity of outstanding shares in circulation		18,062,331	15,052,615
- <i>Common shares</i>		<i>18,062,331</i>	<i>15,052,615</i>
Par value per share (VND)		10,000	10,000
f) <b>Company's funds</b>		<u>31/12/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
		VND	VND
Investment and development fund		65,574,633,259	64,948,203,442
		<u><u>65,574,633,259</u></u>	<u><u>64,948,203,442</u></u>
<b>19 . OFF STATEMENT OF FINANCIAL POSITION ITEMS AND OPERATING LEASE COMMITMENT</b>			
a) <b>Operating leased assets</b>			
<p>The Company leases land at 18 Luy Ban Bich, Tan Thoi Hoa Ward, Tan Phu District, Ho Chi Minh City for production and business purposes. The leased land area is 33,410 m2. Accordingly, the Company must pay annual land rent according to the land rent notice of the tax authority.</p>			
b) <b>Foreign currencies</b>		<u>31/12/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
- USD		4,868.80	9,239.19
c) <b>Doubtful debts written-off</b>		<u>31/12/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
		VND	VND
Kien Giang Food Processing Import Export Joint Stock Company		233,874,352	233,874,352
Sammiguel Yamamura Packaging Co., Ltd		330,870,543	330,870,543
Others		82,355,452	82,355,452
<b>20 . TOTAL REVENUE FROM SALES OF GOODS AND RENDERING OF SERVICES</b>			
		<u>Year 2024</u>	<u>Year 2023</u>
		VND	VND
Revenue from sale of goods		42,586,339,972	41,657,003,125
Revenue from finished goods		399,231,348,232	421,053,850,181
Revenue from rendering of services		25,283,231,307	31,310,567,489
Other		206,774,350	-
		<u><u>467,307,693,861</u></u>	<u><u>494,021,420,795</u></u>
<b>21 . COSTS OF GOODS SOLD</b>			
		<u>Year 2024</u>	<u>Year 2023</u>
		VND	VND
Costs of finished goods sold		342,283,936,034	366,177,193,195
Costs of goods sold		38,841,230,994	37,061,066,821
Costs of services rendered		29,946,940,366	29,406,757,212
		<u><u>411,072,107,394</u></u>	<u><u>432,645,017,228</u></u>

**MY CHAU PRINTING & PACKAGING HOLDINGS COMPANY**

18 Luy Ban Bich, Tan Thoi Hoa Ward,  
Tan Phu District, Ho Chi Minh City

**Financial Statements**

For the fiscal year ended as at 31/12/2024

**22 . FINANCE INCOME**

	Year 2024	Year 2023
	VND	VND
Interest income, interest from loans	1,545,006,161	454,049,878
Gain from disposal of financial investments	17,935,200,000	-
Dividends or profits received	39,999,600	46,666,200
Gain on exchange difference in the year	447,621,061	363,939,522
Gain on exchange difference at the year - end	286,465,299	-
	<b><u>20,254,292,121</u></b>	<b><u>864,655,600</u></b>

**23 . FINANCIAL EXPENSES**

	Year 2024	Year 2023
	VND	VND
Interest expenses	245,749,233	1,598,005,882
Loss on exchange difference in the year	1,419,244,673	1,010,476,713
Loss on exchange difference at the year - end	-	313,027,485
Reversal of investment loss provision	-	(185,351,200)
	<b><u>1,664,993,906</u></b>	<b><u>2,736,158,880</u></b>

**24 . SELLING EXPENSES**

	Year 2024	Year 2023
	VND	VND
Raw materials	3,943,410,149	4,294,410,857
Labour expenses	3,015,638,103	3,457,145,226
Depreciation expenses	125,890,236	221,574,498
Expenses of outsourcing services	2,894,745,928	3,104,919,179
Other expenses in cash	4,588,619,720	4,402,598,931
	<b><u>14,568,304,136</u></b>	<b><u>15,480,648,691</u></b>

**25 . GENERAL ADMINISTRATIVE EXPENSES**

	Year 2024	Year 2023
	VND	VND
Raw materials	637,042,481	602,984,914
Labour expenses	10,115,520,211	11,214,609,506
Depreciation expenses	344,574,577	365,753,653
Tax, Charge, Fee	2,137,717,524	2,137,664,089
Provision expenses	4,306,303,261	1,032,282,864
Expenses of outsourcing services	3,496,191,285	3,589,376,914
Other expenses in cash	868,992,266	1,055,240,610
	<b><u>21,906,341,605</u></b>	<b><u>19,997,912,550</u></b>



**MY CHAU PRINTING & PACKAGING HOLDINGS COMPANY**

18 Luy Ban Bich, Tan Thoi Hoa Ward,  
Tan Phu District, Ho Chi Minh City

**Financial Statements**

For the fiscal year ended as at 31/12/2024

**26 . CURRENT CORPORATE INCOME TAX EXPENSES**

	Year 2024	Year 2023
	VND	VND
Total profit before tax	37,796,035,365	22,263,938,478
Increase	653,894,281	1,203,112,897
- <i>Ineligible expenses</i>	653,894,281	1,203,112,897
Decrease	(39,999,600)	(48,191,400)
- <i>Dividend payment</i>	(39,999,600)	(46,666,200)
- <i>Profit from foreign currency revaluation at year end</i>	-	(1,525,200)
Taxable income	38,409,930,046	23,418,859,975
<b>Current corporate income tax expense (Tax rate 20%)</b>	<b>7,681,986,009</b>	<b>4,683,771,995</b>
Adjustment of tax expenses from previous year s to current year	-	138,203,353
Tax payable at the beginning of year	1,529,429,995	1,474,063,653
Tax paid in the year	(5,306,636,713)	(4,766,609,006)
<b>Corporate income tax payable at the year-end from main business activities</b>	<b>3,904,779,291</b>	<b>1,529,429,995</b>

**27 . BASIC EARNINGS PER SHARE**

Basic earnings per share distributed to common shareholders of the company are calculated as follows:

	Year 2024	Year 2023
	VND	VND
Net profit after tax	30,114,049,356	17,441,963,130
Profit distributed for common stocks	30,114,049,356	17,441,963,130
Average number of outstanding common shares in circulation in the year	18,062,331	18,062,331
<b>Basic earnings per share</b>	<b>1,667</b>	<b>966</b>

The company has not planned to make any distribution to Bonus and welfare fund, bonus for the Board of Directors from the net profit after tax at the date of preparing Financial Statements.

Basic earnings per share have been adjusted retrospectively as regulated by Vietnamese Accounting Standards No. 30 – Basic earnings per share.

As at 31 December 2024, the Company dose not have shares with dilutive potential for earnings per share.

**28 . BUSINESS AND PRODUCTIONS COST BY ITEMS**

	Year 2024	Year 2023
	VND	VND
Raw materials	305,367,341,173	367,349,415,828
Labour expenses	52,397,948,056	58,289,680,308
Depreciation and amortisation	10,478,544,341	10,667,066,269
Expenses of outsourcing services	23,403,335,536	24,561,830,552
Other expenses in cash	5,457,611,986	7,552,571,817
Contingency costs	4,306,303,261	1,032,282,864
	<b>401,411,084,353</b>	<b>469,452,847,638</b>

29 . FINANCIAL INSTRUMENTS

**Financial risk management**

Financial risks that the Company may face risks including: market risk, credit risk and liquidity risk. The Company has developed its control system to ensure the reasonable balance between cost of incurred risks and cost of risk management. The Board of Management of the Company is responsible for monitoring the risk management process to ensure the appropriate balance between risk and risk control.

**Market risk**

The Company may face with the market risk such as: changes in prices, exchange rates and interest rates.

**Price Risk**

The Company bears price risk of equity instruments from long-term investments in securities due to the uncertainty of future prices of the securities. As regards, long-term securities held for long-term strategies, at the end of the fiscal year, the Company has no plan to sell these investments.

	1 year VND	Over 1 years VND	Over 5 years VND	Total VND
<b>As at 31/12/2024</b>				
Long term investments	-	2,133,312,000	-	2,133,312,000
	<u>-</u>	<u>2,133,312,000</u>	<u>-</u>	<u>2,133,312,000</u>
<b>As at 01/01/2024</b>				
Long term investments	-	2,496,641,700	-	2,496,641,700
	<u>-</u>	<u>2,496,641,700</u>	<u>-</u>	<u>2,496,641,700</u>

**Exchange rate risk**

The Company bears the risk of interest rates due to the transaction made in a foreign currency other than VND such as: borrowings, revenue, cost, importing materials, good, machinery and equipment ...

**Interest rate risk**

The Company bears the risk of interest rates due to the fluctuation in fair value of future cash flow of a financial instrument in line with changes in market interest rates if the Company has time or demand deposits, borrowings and debts subject to floating interest rates. The Company manages interest rate risk by analyzing the market competition situation to obtain interest beneficial for its operation purpose.

**Credit Risk**

Credit risk is the risk of financial loss to the Company if a counterparty fails to perform its contractual obligations. The Company has credit risk from operating activities (mainly to trade receivables) and financial activities (including deposits, loans and other financial instruments), detailed as follows:

**MY CHAU PRINTING & PACKAGING HOLDINGS COMPANY**

18 Luy Ban Bich, Tan Thoi Hoa Ward,  
Tan Phu District, Ho Chi Minh City

**Financial Statements**

For the fiscal year ended as at 31/12/2024

	Under 1 year	From 1 to 5 years	Over 5 years	Total
	VND	VND	VND	VND
<b>As at 31/12/2024</b>				
Cash and cash equivalents	16,906,377,798	-	-	16,906,377,798
Trade receivables, other receivables	60,630,541,116	5,250,000	-	60,635,791,116
Loans	85,000,000,000	-	-	85,000,000,000
	<u>162,536,918,914</u>	<u>5,250,000</u>	<u>-</u>	<u>162,542,168,914</u>
<b>As at 01/01/2024</b>				
Cash	11,160,504,865	-	-	11,160,504,865
Trade receivables, other receivables	85,403,486,536	5,250,000	-	85,408,736,536
Loans	25,000,000,000	-	-	25,000,000,000
	<u>121,563,991,401</u>	<u>5,250,000</u>	<u>-</u>	<u>121,569,241,401</u>

**Liquidity Risk**

Liquidity risk is the risk that the Company has trouble in settlement of its financial obligations due to the lack of funds. Liquidity risk of the Company is mainly from different maturity of its financial assets and liabilities.

Due date for payment of financial liabilities based on expected payment under the contracts (based on cash flow of the original debts) as follows:

	Under 1 year	From 1 to 5 years	Over 5 years	Total
	VND	VND	VND	VND
<b>As at 31/12/2024</b>				
Trade payables, other payables	25,177,504,451	-	-	25,177,504,451
Accrued expenses	733,439,958	-	-	733,439,958
	<u>25,910,944,409</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>25,910,944,409</u>
Borrowings and debts	28,159,074,914	-	-	28,159,074,914
Trade payables, other payables	26,809,184,686	-	-	26,809,184,686
Accrued expenses	1,346,811,560	-	-	1,346,811,560
	<u>56,315,071,160</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>56,315,071,160</u>

The Company believes that risk level of loan repayment is low. The Company has the ability to pay due debts from cash flows from its operating activities and cash received from mature financial assets.

**MY CHAU PRINTING & PACKAGING HOLDINGS COMPANY**18 Luy Ban Bich, Tan Thoi Hoa Ward,  
Tan Phu District, Ho Chi Minh City**Financial Statements**

For the fiscal year ended as at 31/12/2024

**30 . SUBSEQUENT EVENTS AFTER THE REPORTING PERIOD `**

There have been no significant events occurring after the reporting year, which would require adjustments or disclosures to be made in the Separate financial statements.

**31 . TRANSACTION AND BALANCES WITH RELATED PARTIES**

Transactions with other related parties:

	<u>Relation</u>	<u>Year 2024</u>	<u>Year 2023</u>
		VND	VND
<b>Income of key managers</b>		<b>610,556,400</b>	<b>917,192,272</b>
Mrs. Pham Thi Thuy Phuong	Chairman of the Board of Directors (Resigned on 28 June 2023)	60,000,000	80,000,000
Mr. Nguyen Ngoc Nghi	Chairman of the Board of Directors (Resigned on 27 April 2023)	-	40,000,000
Mr. Luu Nguyen Chi Nhan	Member of the Board of Directors (Resigned on 27 April 2023)	-	26,666,667
Mr. Nguyen Nam Thai	Member of the Board of Directors (Appointed on 27 April 2023 Resigned on 28 June 2023)	-	33,333,333
Mrs. Trieu Thi Ngoc Quynh	Member of the Board of Directors (Resigned on 28 June 2024)	40,000,000	13,333,333
Mrs. Phan Do Hanh	Member and Chairman of the Board of Directors (Appointed on 01 November 2024 Resigned on 25 November 2024)	90,000,000	80,000,000
Mrs. Truong Nu Thi Do Quynh	General Director (Resigned on 23 August 2024)	420,556,400	643,858,939
<b>Income of the Board of Supervisors</b>		<b>118,333,333</b>	<b>130,000,000</b>

In addition to the above related parties' transactions, other related parties did not have any transactions during the year and have no balance at the end of the accounting period with the Company.

**MY CHAU PRINTING & PACKAGING HOLDINGS COMPANY**

18 Luy Ban Bich, Tan Thoi Hoa Ward,  
Tan Phu District, Ho Chi Minh City

**Financial Statements**

For the fiscal year ended as at 31/12/2024

**32 . COMPARATIVE FIGURES**

The comparative figures are figures in the Financial statements for the fiscal year ended as at 31 December 2023, which was audited by RSM Auditing and Consulting Co., Ltd.

**Duong Truong Thi Hong Trinh**  
Preparer  
*Ho Chi Minh, 23 March 2025*

**Nguyen Hoa Hiep**  
Chief Accountant



**La Hoai Nam**  
General Director

